



Số 04/2025
(Tháng 12/2025)

BẢN TIN

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

TỈNH TUYÊN QUANG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH TUYÊN QUANG



Trong số này

1. Thông báo của các nước thành viên WTO.
2. Tuyên Quang: Tăng cường đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn 2026 - 2030.
3. Xây dựng cổng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa giải pháp phát triển bền vững cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
4. Tăng cường hoạt động đo lường, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.
5. Quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu.
6. Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang thực hiện Chỉ thị 38-CT/TW của Ban Bí thư về “Đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo”.
7. Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (sửa đổi): hoàn thiện khung pháp lý cho quản lý chất lượng và hội nhập quốc tế.
8. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ Blockchain - Truy xuất nguồn gốc.

THÔNG BÁO CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO

THÔNG BÁO QUY ĐỊNH CỦA HOA KỲ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM SƠN MÓNG TAY

Ngày 19/8/2025, Hoa Kỳ đã gửi Thông báo mã G/TBT/N/USA/2233 về Dự thảo Quy định của Bang California. Theo đó Sở Kiểm soát Chất độc hại California (DTSC) đề xuất sửa đổi Bộ Quy tắc Ca (Title 22, Division 4.5, Chapter 55, Article 11, Section 69511; bổ sung Section 69511.10), cụ thể:

Liệt kê các sản phẩm làm móng (sơn móng, lớp phủ móng, móng giả...) có chứa Triphenyl Phosphate (TPhP) ở nồng độ >250 ppm (dưới dạng thành phần bổ sung,

tồn dư hoặc tạp chất) vào Danh mục Sản phẩm Ưu tiên (Priority Products).

Việc liệt kê này có thể kéo theo nghĩa vụ phân tích phương án thay thế (Alternatives Analysis), cung cấp dữ liệu kỹ thuật và tuân thủ các biện pháp quản lý bổ sung đối với các doanh nghiệp xuất khẩu vào thị trường California.

Mục tiêu: Bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, phòng ngừa rủi ro rối loạn nội tiết, độc tính thần kinh và các tác hại khác từ TPhP; nâng cao chất lượng và tính minh bạch của sản phẩm lưu thông tại California./.

Chi tiết toàn văn của Dự thảo tham khảo tại:

<https://dtsc.ca.gov/listing-nail-products-containing-triphenyl-phosphate-tphp-at-concentrations-greater-than-250-parts-per-million-ppm-as-a-priority-product/>.

https://members.wto.org/crnattachments/2025/TBT/USA/25_05346_00_e.pdf

THÔNG BÁO CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU) VỀ CHẤT HOẠT TÍNH THUỐC TRỪ SÂU

Ngày 01/10/2025, EU đã gửi thông báo theo mã (G/TBT/N/EU/1162) về Dự thảo sửa đổi Quy định số 283/2013 của Liên minh Châu Âu EU liên quan tới thông tin về chất hoạt tính phải nộp. Liên minh Châu Âu EU cho biết Dự thảo lần này sẽ bao gồm các sửa đổi đối với Phụ lục của Quy định số 283/2013 và đưa ra các yêu cầu về dữ liệu đối với chất hoạt tính trong các sản phẩm bảo vệ thực vật.

Dự thảo Quy định này của EU nhằm mục đích sửa đổi yêu cầu dữ liệu đối với đơn xin phê duyệt các hoạt chất theo Quy định của Ủy ban (EU) 283/2013 để phù hợp với tiến bộ khoa học và kỹ thuật và với các yêu cầu thử nghiệm trong các luật khác (ví dụ: REACH). Theo đó, Dự thảo yêu cầu bổ sung báo cáo thử nghiệm đối với quá trình xử lý nước./.

Chi tiết toàn văn của Dự thảo tham khảo tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2025/TBT/EEC/25_06509_01_e.pdf

Ảnh bìa: Lễ phát động phong trào “Bình dân học vụ số” tỉnh Tuyên Quang năm 2026.

TUYÊN QUANG: TĂNG CƯỜNG, ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG ĐO LƯỜNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Ngày 25/11/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh (Kế hoạch số 121/KH-UBND). Đây là bước đi chiến lược nhằm cụ thể hóa Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (Sau đây viết tắt là Đề án 996) đưa hoạt động đo lường của tỉnh trở thành công cụ đặc lực hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững.

1. Tầm nhìn chiến lược và mục tiêu đồng bộ

Căn cứ vào Đề án 996 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Tuyên Quang xác định việc đổi mới đo lường không chỉ là yêu cầu kỹ thuật mà còn là nhiệm vụ trọng tâm để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Kế hoạch tập trung hỗ trợ doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên như sản xuất, kinh doanh: điện, nước, xăng dầu, khoáng sản và chế biến nông, lâm sản.

Mục tiêu chung của tỉnh là phát triển hệ thống hạ tầng dịch vụ đo lường theo hướng đồng bộ và hiện đại, đảm bảo tính liên kết chặt chẽ với chuẩn đo lường quốc gia; Chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực từ doanh nghiệp và các tổ chức xã hội để phát triển mạng lưới đo lường từ cấp tỉnh đến cơ sở.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Tỉnh Tuyên Quang đã đặt ra các mục tiêu cụ thể nhằm chuyển đổi diện mạo hoạt động đo lường tại địa phương như sau:

Về đào tạo nguồn nhân lực: Tổ chức đào tạo, cấp chứng chỉ về nghiệp vụ đo lường cho ít nhất 250 người là cán bộ quản lý nhà nước tại xã, phường và kiểm định viên tại các doanh nghiệp; 02 lớp tập huấn công tác quản lý đo lường cho các đối tượng trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và bảo vệ sức khỏe.

Về hạ tầng cơ sở: Triển khai trang bị 30 điểm cân đối chứng và 30 bộ chuẩn đối chứng (khối lượng) tại các xã, phường để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trực tiếp tại địa bàn.

Về hỗ trợ doanh nghiệp: Phấn đấu hỗ trợ 50 doanh nghiệp triển khai Chương trình đảm bảo đo lường thông qua các hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn và xây dựng phương pháp đo tiên tiến.

Về tiêu chuẩn hóa: Áp dụng Bộ tiêu chí quốc gia để đánh giá và chuẩn hóa năng lực cho 02 phòng thí nghiệm và 02 tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn trên địa bàn tỉnh.

3. Các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm

Kế hoạch triển khai 6 nhóm nhiệm vụ chiến lược để tạo ra sự đột phá:

• *Áp dụng cơ chế, chính sách tạo thuận lợi hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp:* Xây dựng các quy định tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thúc đẩy thương mại hóa các sản phẩm từ nghiên cứu khoa học công nghệ đo lường.

• *Tăng cường phát triển hạ tầng đo lường của tỉnh:* Duy trì và nâng cấp hệ thống chuẩn đo lường, đặc biệt là chuẩn để kiểm

định các phương tiện đo nhóm 2 (các phương tiện đo bắt buộc phải kiểm định theo quy định).

• **Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đo lường:** Đầu tư trang thiết bị cho công tác kiểm tra nhà nước về đo lường, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ công chức, viên chức chuyên trách.

• **Triển khai công tác hỗ trợ doanh nghiệp bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hóa:** Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai áp dụng Chương trình đảm bảo đo lường thông qua hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, xây dựng phương pháp đo; Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX tham gia nghiên cứu, ứng dụng công nghệ đo lường tiên tiến trong sản xuất; Hỗ trợ tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trên địa bàn tỉnh đáp ứng Bộ tiêu chí quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo lường.

• **Hợp tác quốc tế trong công tác nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ về đo lường:** Liên kết các ngành chức năng liên quan, tạo cơ chế thuận lợi cho việc hợp tác và liên kết nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ về đo lường cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khi có yêu cầu.

• **Công tác truyền thông về hoạt động đo lường:** Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật, các hoạt động về ngày đo lường nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và xã hội về hoạt động đo lường.

Với lộ trình rõ ràng và sự quyết tâm của các cấp chính quyền, Kế hoạch tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường giai đoạn 2026 - 2030 hứa hẹn sẽ tạo ra môi trường kinh doanh minh bạch, giúp các sản phẩm, hàng hóa chủ lực của Tuyên Quang khẳng định được uy tín trên thị trường nội địa và quốc tế./.

XÂY DỰNG CÔNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

Hiện nay, dù hệ thống truy xuất nguồn gốc đã và đang được triển khai áp dụng tại địa phương, tuy nhiên mức độ áp dụng, sự hiểu biết của các tổ chức, doanh nghiệp, người tiêu dùng đối với hệ thống truy xuất còn nhiều hạn chế. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc tỉnh Tuyên Quang đạt yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia là bước đi nhằm nâng cao chất lượng quản lý và khẳng định chất lượng hàng hóa của địa phương. Việc vận hành Hệ thống có hiệu quả sẽ thúc đẩy thêm nhiều doanh nghiệp và người dân tham gia vào các chuỗi cung ứng sản phẩm, hàng hóa có truy xuất nguồn gốc; Qua đó việc chuẩn hóa qua trình sẽ góp phần thay đổi tư duy sản xuất từ manh mún, nhỏ lẻ

sang hướng “làm ăn lớn”, chú trọng vào chất lượng và sự bền vững, tạo đà cho kinh tế địa phương hội nhập sâu rộng hơn vào thị trường quốc tế

Thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc; Thông tư số 02/2024/TT-BKHCN ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý truy xuất nguồn gốc. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang (trước sáp nhập) đã ban hành kế hoạch triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh. Sau sáp nhập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang tồn tại 02 Hệ thống, truy xuất

nguồn gốc sản phẩm tại địa chỉ <https://hagiangtrace.com> (Do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý vận hành) và Hệ thống truy xuất nguồn gốc tại địa chỉ <http://truyxuatnguogoc.congthuongtuyenquang.vn> (Do Sở Công thương quản lý vận hành).

Tính đến nay, Sở Khoa học và Công nghệ đã cập nhật thông tin, hướng dẫn và tạo tài khoản cho 555 thành viên và cấp mã QR code cho 197 Doanh nghiệp, Hợp tác xã với 836 sản phẩm tiêu biểu của tỉnh ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc trên hệ thống “hagiangtrace.com”; Sở Công Thương đã cập nhật thông tin, hướng dẫn và tạo tài khoản cho 35 thành viên và cấp mã QR code trên 50 sản phẩm. Để quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống quản lý thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Tuyên Quang bảo đảm đúng thẩm quyền, trách nhiệm, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương (Sau hợp nhất). Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ trì phối hợp với Sở Công thương tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh hợp nhất dữ liệu, chức năng, tài khoản người dùng của 02 Hệ thống. Ngày 20/12/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản số 4508/UBND-KH&CĐS đồng ý hợp nhất toàn bộ dữ liệu, chức năng, tài khoản người dùng của Hệ

thống quản lý truy xuất nguồn gốc, địa chỉ Truyxuatnguogoc.congthuongtuyenquang.vn do Sở Công Thương đang quản lý vào Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, địa chỉ hagiangtrace.com do Sở Khoa học và Công nghệ đang quản lý và đổi tên là Cổng truy xuất nguồn gốc tỉnh Tuyên Quang, địa chỉ: truyxuatnguogoc.tuyenquang.gov.vn do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý.

Việc xây dựng và áp dụng truy xuất nguồn gốc là việc cần thiết để doanh nghiệp Việt Nam nói chung, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang nói riêng có thể nhận được chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) - là điều kiện để có thể được hưởng các ưu đãi thuế quan mà các thị trường cam kết dành cho nhau; là giải pháp thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa bằng các nền tảng số, tích hợp giá trị, tạo sự thuận lợi cho người nông dân, hợp tác xã, người tiêu dùng; đồng thời góp phần gia tăng giá trị của sản phẩm, hàng hóa của địa phương, nâng cao được giá trị thương hiệu và sự tin tưởng từ phía người tiêu dùng, từ đó mở rộng khả năng tiếp cận và chiếm lĩnh thị trường trong nước và quốc tế, góp phần giúp doanh nghiệp phát triển bền vững trong tương lai./.

TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG ĐO LƯỜNG, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Năm 2025, các hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn về đo lường của Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo đã góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành các quy định về đo lường trong quá trình kinh doanh của các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, việc đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng ngày càng được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện. Bên cạnh các biện pháp quản lý nhằm hạn chế các hành vi gian lận

thương mại, buôn bán hàng cấm, hàng giả, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ... thì việc kiểm định các phương tiện đo đạt tiêu chuẩn đo lường chất lượng có ý nghĩa thiết thực trong việc đảm bảo sự chính xác về khối lượng,

góp phần chống gian lận thương mại, bảo vệ người tiêu dùng và trật tự trong sản xuất, kinh doanh.

Đo lường là một quá trình đánh giá, định lượng một đại lượng cân đo để có kết quả bằng số so với đơn vị đo. Nhằm đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng, ở nước ta đã có nhiều văn bản quy định về hoạt động đo lường, trong đó đã ban hành danh mục phương tiện đo lường bắt buộc phải kiểm định như: Phương tiện đo độ dài, taximet, cân phân tích, cân kỹ thuật, đồng hồ đo xăng dầu, đồng hồ đo khí dân dụng,... Trong quá trình sử dụng các phương tiện đó, các cá nhân, tổ chức cần thực hiện đúng biện pháp kiểm soát (kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, kiểm tra,...) phương tiện đo của mình cho phù hợp.

Nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong việc kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo nhóm 2 đảm bảo có thông số đo chính xác, năm 2025 mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng của việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, sáp nhập giữa các cơ quan, đơn vị, Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo đã chủ động bám sát kế hoạch đề ra và tiến hành kiểm định kịp thời, đúng tiến độ cho các tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh có sử dụng phương tiện đo nhóm 2. Cụ

thể, Trung tâm đã thực hiện kiểm định được 5.515 lượt phương tiện đo thuộc các lĩnh vực như: Khối lượng (cân thông dụng, cân kỹ thuật, cân đồng hồ lò xo) 1.677 ptđ; Dung tích (cột đo xăng dầu, ca đong, bình đong) tại các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu 664 ptđ; kiểm định taximet cho các hãng taxi trên địa bàn tỉnh 55 ptđ; đo kiểm tra điện trở tiếp địa 188 hệ thống; kiểm định đối chứng công tơ điện 1893 ptđ; kiểm định đồng hồ đo nước lạnh 913 ptđ ; kiểm định 32 máy X-quang, kiểm xạ 19 phòng; kiểm định huyết áp kế và áp kế 252 ptđ; Kiểm định điện tim, điện não 10 ptđ. Sau khi kiểm định, những phương tiện đo đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường đã được niêm phong, kẹp chì và cấp giấy chứng nhận kiểm định đúng quy định.

Bên cạnh việc thực hiện hoạt động kiểm định, Trung tâm cũng tăng cường thông tin tuyên truyền, tư vấn các nhiệm vụ của đơn vị về hoạt động đo lường, thực hiện các hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn đo lường để góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành các quy định về đo lường trong quá trình kinh doanh của các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh. Từ đó, giúp ngăn chặn các hành vi gian lận về đo lường trong thương mại, kinh doanh không lành mạnh góp phần bảo vệ người tiêu dùng./.

QUY ĐỊNH ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỐI VỚI TRUNG TÂM DỮ LIỆU

Ngày 31/11/2025, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 42/2025/TT-BKHHCN quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2026. Theo đó một số nội dung quy định cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư quy định việc áp dụng tiêu

chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các trung tâm dữ liệu trong quá trình thiết kế, xây dựng và vận hành, khai thác tại Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

- Thông tư áp dụng cho các cơ quan nhà nước đầu tư xây dựng trung tâm dữ liệu sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là cơ quan) và doanh nghiệp đầu tư, thiết kế, xây dựng, vận hành, khai thác

trung tâm dữ liệu để cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp), các cơ quan, tổ chức đánh giá, chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước liên quan.

- Thông tư không áp dụng đối với doanh nghiệp đầu tư, thiết kế, xây dựng, vận hành, khai thác trung tâm dữ liệu điện toán biên nhỏ.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng

Trung tâm dữ liệu áp dụng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật sau:

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9250:2021, hoặc tiêu chuẩn ANSI/TIA-942- B:2017, hoặc tiêu chuẩn ANSI/TIA-942-C:2024, hoặc tiêu chuẩn Tier của Uptime Institute;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông, ký hiệu QCVN 32:2020/BTTTT;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông, ký hiệu QCVN 9:2016/BTTTT.

4. Trách nhiệm của cơ quan, doanh nghiệp

- Đối với các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 42/2025/TT-BKHCN, cơ quan và doanh nghiệp tự thực hiện đánh giá sự phù hợp của trung tâm dữ liệu với tiêu chuẩn và mức đảm bảo kỹ thuật đã lựa chọn; khuyến khích thực hiện công bố hợp chuẩn theo quy định của pháp luật.

- Đối với các quy chuẩn kỹ thuật quy định tại khoản 2 và 3 Điều 4 của Thông tư số 42/2025/TT-BKHCN, các cơ quan, doanh nghiệp có trách nhiệm:

+ Lựa chọn đơn vị đo kiểm được Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ định thực hiện việc đo kiểm trung tâm dữ liệu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật;

+ Thực hiện công bố về sự phù hợp của trung tâm dữ liệu với các quy chuẩn kỹ thuật trên cơ sở kết quả đo kiểm.

- Các cơ quan, doanh nghiệp thực hiện công bố về sự phù hợp của trung tâm dữ liệu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi đưa trung tâm dữ liệu vào sử dụng để cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu; Trường hợp trung tâm dữ liệu có sự thay đổi dẫn đến sai khác với nội dung đã công bố, trong thời hạn 15 ngày, cơ quan, doanh nghiệp gửi báo cáo đến Sở Khoa học và Công nghệ.

- Các cơ quan, doanh nghiệp có trách nhiệm triển khai các biện pháp kỹ thuật để duy trì, đảm bảo sự phù hợp của trung tâm dữ liệu đối với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định tại Điều 4 của Thông tư trong suốt quá trình vận hành, khai thác trung tâm dữ liệu.

5. Trách nhiệm của cơ quan quản lý

- Cục Viễn thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý liên quan thực hiện kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Thông tư này. Thực hiện kiểm tra đột xuất khi có khiếu nại của khách hàng hoặc khi phát hiện dấu hiệu vi phạm.

- Các Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

+ Tiếp nhận và quản lý hồ sơ công bố phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của các cơ quan, doanh nghiệp;

+ Kiểm tra các doanh nghiệp trung tâm dữ liệu về việc thực hiện các quy định về áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý;

+ Phát hiện và phản ánh các vấn đề về việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu; báo cáo và đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ các biện pháp thực thi quản lý tại địa phương./.

**KẾ HOẠCH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY TUYÊN QUANG
THỰC HIỆN CHỈ THỊ 38-CT/TW CỦA BAN BÍ THƯ VỀ “ĐẨY MẠNH
CÔNG TÁC TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
ĐẾN NĂM 2030 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO”**

Ngày 30/10/2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 394-KH/TU về việc thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

Mục đích quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Chỉ thị số 38-CT/TW nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và người dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; góp phần thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, từ đó thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Yêu cầu việc triển khai Chỉ thị số 38-CT/TW phải được thực hiện đồng bộ tại các cấp, ngành từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo kịp thời, chất lượng, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, đơn vị. Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm đối với từng cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cấp ủy trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra.

Mục tiêu nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị,

người dân đối với công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng (TCĐLCL). Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quốc tế. Đồng thời, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tăng cường sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thực sự là động lực thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh; tạo nền tảng quan trọng nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa của các ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực hội nhập quốc tế.

Kế hoạch cũng đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về đẩy mạnh công tác TCĐLCL quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo để thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW của Ban Bí thư gồm:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kiến thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền và Nhân dân về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.
2. Chủ động rà soát, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.
3. Đẩy mạnh hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong các ngành, lĩnh vực để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.
4. Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.
5. Tăng cường đầu tư ngân sách nhà

nước cho công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

6. Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trong ngành tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

8. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch; đưa nội dung công tác tiêu chuẩn, đo lường,

chất lượng vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn. Đồng thời, tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Việc ban hành và triển khai Kế hoạch số 21-KH/TU là cơ sở quan trọng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh, góp phần xây dựng môi trường sản xuất, kinh doanh minh bạch, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập của nền kinh tế Tuyên Quang trong giai đoạn mới./.

LUẬT TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT (SỬA ĐỔI): HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ CHO QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Năm 2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì soạn thảo, sửa đổi và được Quốc hội thông qua 10 luật tạo tiền đề quan trọng để triển khai thực hiện Nghị quyết 57. Trong số này, Sở Khoa học và Công nghệ trân trọng giới thiệu Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (Luật số 70/2025/QH15) - hoàn thiện khung pháp lý cho quản lý chất lượng và hội nhập quốc tế.

1. Bối cảnh và sự cần thiết sửa đổi Luật

Sau hơn 15 năm thi hành, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành hệ thống

tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật, góp phần bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy một số quy định của Luật đã bộc lộ hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế; một số nội dung còn chồng chéo với các luật chuyên ngành, gây khó khăn trong tổ chức thực hiện.

Bên cạnh đó, việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, cùng với yêu cầu minh bạch hóa, hài hòa hóa tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo Hiệp định TBT của WTO, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải rà soát, sửa đổi Luật nhằm bảo đảm tính tương thích với chuẩn mực quốc tế, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

2. Những điểm mới cơ bản của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (sửa đổi)

Luật sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung quan trọng: Sửa đổi, bổ sung Điều 3, 5, 6,

7, 8, 14, 16, 17, 19, 20, 21, 25, 27, 29, 32, 33, 35, 37, 39, 40, 41, 44, 45, 48, 50, 51, 52 và 57; bổ sung Điều 7a và Điều 7b vào sau Điều 7; bổ sung các điều 8a, 8b, 8c vào sau Điều 8; bổ sung Điều 10a vào sau Điều 10; bổ sung Điều 11a vào sau Điều 11; bổ sung Điều 26a vào sau Điều 26; bổ sung Điều 27a vào sau Điều 27; sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 53; đồng thời bãi bỏ các Điều 13, 15, 22, 23, 24, 30, 31, 38, 42, 43, 69 và Chương VI. Việc sửa đổi, bổ sung tập trung vào các nhóm vấn đề lớn sau:

Thứ nhất, hoàn thiện quy định về tiêu chuẩn. Luật làm rõ hơn nguyên tắc xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở; khuyến khích áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực phù hợp với điều kiện Việt Nam. Đồng thời, Luật tăng cường trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc công bố và áp dụng tiêu chuẩn, bảo đảm tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin.

Thứ hai, hoàn thiện quy định về quy chuẩn kỹ thuật. Luật sửa đổi nhấn mạnh vai trò của quy chuẩn kỹ thuật như công cụ quản lý nhà nước bắt buộc, được ban hành trên cơ sở đánh giá rủi ro, bảo đảm an toàn, sức khỏe con người, bảo vệ môi trường và lợi ích công cộng. Việc xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật được yêu cầu gắn với yêu cầu thực tiễn, tránh chồng chéo, trùng lặp giữa các bộ, ngành.

Thứ ba, làm rõ hoạt động đánh giá sự phù hợp. Luật sửa đổi bổ sung các quy định

nhằm nâng cao hiệu quả và độ tin cậy của hoạt động đánh giá sự phù hợp, bao gồm thử nghiệm, giám định, chứng nhận, công nhận. Vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đánh giá sự phù hợp được quy định rõ ràng hơn, phù hợp với thông lệ quốc tế và yêu cầu quản lý rủi ro.

Thứ tư, tăng cường phân định trách nhiệm quản lý nhà nước. Luật làm rõ trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ trong thống nhất quản lý nhà nước về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; đồng thời xác định rõ trách nhiệm của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Thứ năm, thúc đẩy chuyển đổi số và minh bạch thông tin. Luật sửa đổi khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tăng cường cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, người dân và các bên liên quan, qua đó nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản lý.

3. Ý nghĩa đối với hoạt động TBT

Việc ban hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (sửa đổi) có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động TBT tại Việt Nam. Luật tạo cơ sở pháp lý để tăng cường minh bạch hóa các yêu cầu kỹ thuật, phù hợp với cam kết trong khuôn khổ WTO và các hiệp định thương mại tự do, qua đó hạn chế các rào cản kỹ thuật không cần thiết trong thương mại./.

DANH MỤC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ BLOCKCHAIN - TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Ngày 19/11/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Văn bản số 7181/BKH-CN-TĐC về việc danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ Blockchain, trí tuệ nhân tạo, nền tảng dữ liệu, an toàn thông tin và an ninh mạng.

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 14/6/2025 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2026), Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành danh mục 49 tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) cho lĩnh vực Blockchain - Truy xuất nguồn gốc như sau:

STT	Số hiệu	Tên tiêu chuẩn
1	TCVN 12455:2018	Truy xuất nguồn gốc các sản phẩm động vật giáp xác -Quy định về thông tin cần ghi lại trong chuỗi phân phối động vật giáp xác nuôi
2	TCVN 12456:2018	Truy xuất nguồn gốc các sản phẩm động vật giáp xác -Quy định về thông tin cần ghi lại trong chuỗi phân phối động vật giáp xác đánh bắt
3	TCVN 12457:2018	Truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nhuyễn thể -Quy định về thông tin cần ghi lại trong chuỗi phân phối nhuyễn thể nuôi
4	TCVN 12458:2018	Truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nhuyễn thể -Quy định về thông tin cần ghi lại trong chuỗi phân phối nhuyễn thể đánh bắt
5	TCVN 12827:2019	Truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng rau quả tươi
6	TCVN 12850:2019	Truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu chung đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc
7	TCVN 12851:2019	Truy xuất nguồn gốc - Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc
8	TCVN 13166-1:2020	Truy xuất nguồn gốc - Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm - Phần 1: Yêu cầu chung
9	TCVN 13166-2:2020	Truy xuất nguồn gốc - Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm - Phần 2: Thịt trâu và thịt bò
10	TCVN 13166-3:2020	Truy xuất nguồn gốc - Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm - Phần 3: Thịt cừu
11	TCVN 1366-4:2020	Truy xuất nguồn gốc - Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm - Phần 4: Thịt lợn
12	TCVN 1366-5:2020	Truy xuất nguồn gốc - Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm - Phần 5: Thịt gia cầm
13	TCVN 13167:2020	Truy xuất nguồn gốc - Các tiêu chí đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm
14	TCVN 13274:2020	Truy xuất nguồn gốc - Hướng dẫn định dạng các mã dùng cho truy vết
15	TCVN 13275:2020	Truy xuất nguồn gốc - Định dạng vật mang dữ liệu
16	TCVN 13258:2020	Truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thuốc hóa dược
17	TCVN 13142-1:2020 (ISO 34101-1:2019)	Cacao được sản xuất bền vững và có thể truy xuất nguồn gốc -Phần 1: Yêu cầu đối với hệ thống quản lý sản xuất cacao bền vững
18	TCVN 13142-2:2020 (ISO 34101-2:2019)	Cacao được sản xuất bền vững và có thể truy xuất nguồn gốc -Phần 2: Yêu cầu đối với kết quả thực hiện (về các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường)
19	TCVN 13142-3:2020 (ISO 34101-3:2019)	Cacao được sản xuất bền vững và có thể truy xuất nguồn gốc -Phần 3: Yêu cầu về truy xuất nguồn gốc
20	TCVN 13142-4:2020 (ISO 34101-4:2019)	Cacao được sản xuất bền vững và có thể truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu đối với các chương trình chứng nhận
21	TCVN 22005:2008	Xác định nguồn gốc trong chuỗi thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Nguyên tắc chung và yêu cầu cơ bản đối với việc thiết kế và thực hiện hệ thống
22	TCVN 9988:2013	Xác định nguồn gốc sản phẩm cá có vây - Quy định về thông tin cần ghi lại trong chuỗi phân phối cá đánh bắt
23	TCVN 9989:2013	Xác định nguồn gốc sản phẩm cá có vây -Quy định về thông tin cần ghi lại trong 8 chuỗi phân phối cá nuôi;
24	TCVN 13166-1:2020	Truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm Phần 1: Yêu cầu chung
25	TCVN 13166-2:2020	Truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm Phần 2: Thịt trâu và thịt bò
26	TCVN 13166-3:2020	Truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm Phần 3: Thịt cừu

27	TCVN 13166-4:2020	Truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm Phần 4: Thịt lợn
28	TCVN 13166-5:2020	Truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm Phần 5: Thịt gia cầm
29	TCVN 13167:2020	Truy xuất nguồn gốc -Các tiêu chí đánh giá đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm
30	TCVN 13274:2020	Truy xuất nguồn gốc -Hướng dẫn định dạng các mã dùng cho truy vết
31	TCVN 1375:2020	Truy xuất nguồn gốc – Định dạng vật mang dữ liệu
32	TCVN 13142-1:2020	Cacao được sản xuất bền vững và có thể truy xuất nguồn gốc -Phần 1: Yêu cầu đối với hệ thống quản lý sản xuất cacao bền vững
33	TCVN 13142-2:2020	Cacao được sản xuất bền vững và có thể truy xuất nguồn gốc -Phần 2: Yêu cầu đối với kết quả thực hiện (về các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường)
34	TCVN 13142-3:2020	Cacao được sản xuất bền vững và có thể truy xuất nguồn gốc -Phần 3: Yêu cầu về truy xuất nguồn gốc
35	TCVN 13142-4:2020	Cacao được sản xuất bền vững và có thể truy xuất nguồn gốc -Phần 4: Yêu cầu đối 9 với các chương trình chứng nhận
36	TCVN 13840:2023	Truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng cà phê nhân
37	TCVN 13841:2023	Truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng nước quả
38	TCVN 12827:2023	Truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng rau quả tươi
39	TCVN 13805:2023	Truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng sữa và sản phẩm sữa
40	TCVN 13843:2023	Truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng mật ong
41	TCVN 13987:2024	Truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu về thu thập thông tin trong truy xuất nguồn gốc thực phẩm
42	TCVN 13991:2024	Truy xuất nguồn gốc -Hướng dẫn truy xuất nguồn gốc thủy sản
43	TCVN 13990:2024	Truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu đối với logistic chuỗi lạnh cho thực phẩm
44	TCVN 13989:2024	Truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng sản phẩm dược mỹ
45	TCVN 13988:2024	Truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng rượu vang
46	TCVN 13995:2024	Truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng trang thiết bị y tế
47	TCVN 13994:2024	Truy xuất nguồn gốc -Yêu cầu đối với quá trình sản xuất thuốc lá
48	TCVN 13993:2024	Truy xuất nguồn gốc -Hướng dẫn thu thập thông tin đối với chuỗi cung ứng chè
49	TCVN 13992:2024	Truy xuất nguồn gốc -Hướng dẫn thu thập thông tin đối với chuỗi cung ứng đồ chơi trẻ em

BẢN TIN

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI TỈNH TUYÊN QUANG

Cơ quan xuất bản: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang

Địa chỉ: Số 433, đường 17/8, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang

Điện thoại: 02073.822.523

Chịu trách nhiệm xuất bản: **ThS. Phạm Ninh Thái** - Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Trưởng Ban Biên tập: **TS. Nguyễn Trung Hiếu** - Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Biên tập viên: **Bùi Đức Hoàng, Phan Tiến Dũng, Đặng Hồng Loan, Nguyễn Thị Thu Hương**

Xuất bản 04 số/năm theo Giấy phép xuất bản số 10/GP-XBBT ngày 26/3/2025 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tuyên Quang.

In 170 bản, khổ 19 x 27 cm tại Công ty cổ phần In và Dịch vụ Tuyên Quang, số 346, đường Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang.